

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 01 tháng 02 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:119/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại M (MB).

Địa chỉ trụ sở chính: Số 1 L, phường T, quận C, Tp. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Trung T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Pháp nhân đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH M;

Địa chỉ:, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn P - Tổng giám đốc.

(Theo Hợp đồng ủy quyền số 129/UQ.MB-MBAMC ngày 13/04/2023 của Ngân hàng M).

Người đại diện theo ủy quyền: bà Lê Thanh N - Trưởng phòng tố tụng hệ thống.

(Theo văn bản ủy quyền số 2470.3/UQ-MBAMC ngày 13/04/2023 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý nợ và M).

Đại diện ủy quyền ông Lỗ Chí Anh Đ – Chuyên viên xử lý nợ.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959

Hộ khẩu thường trú: Số x Ngõ 1 Pg, phường H quận H, Tp.Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại: Căn hộ 6xx, Tòa t, Khu đô thị k, xã D, huyện K, Tp. Hà Nội.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Phấn H, sinh năm 1950

Hộ khẩu thường trú: Số x Ngõ 1 Pg, phường H quận H, Tp.Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại: Căn hộ 6xx, Tòa t, Khu đô thị k, xã D, huyện K, Tp. Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Nguyễn Thị T xác nhận ký Hợp đồng tín dụng số 4959.20.002.6512921.TD ngày 05/03/2020, Hợp đồng thế chấp số 191658.23.002.6512921.BĐ ngày 23/08/2023 và các văn bản khác với Ngân hàng M là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định pháp luật và hợp pháp, không có khiếu kiện, thắc mắc gì.

Tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay là: Giá trị Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất là nhà ở căn hộ chung cư số 616, diện tích sàn 54,8m², diện tích căn hộ tính theo tim tường 59,1m² địa chỉ tại Ô đất B2- CT02, tòa chung cư U26A-1 (S2.07) Dự án Khu đô thị K - V, xã D, huyện K, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 169351, số vào sổ cấp GCN: CS 46117 do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 10/10/2020 cho bà Nguyễn Thị T Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 191658.23.002.6512921.BĐ ngày 23/08/2023. Đã đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội ngày 07/9/2023.

Ngân hàng M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với Hợp đồng cho vay số 4959.20.002.6512921.TD

2.2. Bà T phải trả cho Ngân hàng M tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 29/01/2024 số tiền 946.035.217 đồng (*Chín trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn, hai trăm mười bảy đồng*), bao gồm: Nợ gốc: 872.792.821 đồng, Nợ lãi trong hạn: 69.813.930 đồng, Nợ lãi quá hạn: 1.249.708 đồng, Phạt: 2.178.758 đồng.

Thời hạn thanh toán chậm nhất hết ngày 30/4/2024 bà Nguyễn Thị T phải thanh toán hết toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng M. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật đến ngày 30/4/2024 bà T thanh toán được bao nhiêu tiền cho Ngân hàng M thì được trừ vào gốc.

Kể từ ngày 30/01/2024 bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn trên số nợ gốc còn lại theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số 4959.20.002.6512921.TD ngày 05/03/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2.3. Trường hợp bà T không trả nợ cho Ngân hàng M theo thời hạn thanh toán trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng. Số tiền thu được từ bán, xử lý

tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng M.

2.4. Số tiền chờ mét phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng M theo đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 08/11/2023 cụ thể là:

Đình chỉ về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Hợp đồng mở thẻ tín dụng số 1491313 và đã mở thẻ VISA-CREDIT ngày 01/05/2023 ký giữa bà Nguyễn Thị T với Ngân hàng M.

3. Về án phí:

Bà T đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà T. Trả lại cho Ngân hàng M số tiền tạm ứng án phí là 21.055.419 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi một triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, bốn trăm mười chín đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0074244 ngày 25/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị H cáo, H nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Viết Tuấn